TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Ngô Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST–HNGĐ ngày 13/5/2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N.
Địa chỉ: Thôn Q, xã Ea B, thị xã B, Đắk Lắk.
- Bị đơn: Anh Phạm Đình B
Địa chỉ: Thôn Q, xã Ea B, thị xã B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/7/1995, tại UBND xã Ea B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung: Phạm Hoàng Kim Ng, sinh năm 1996; Phạm Hoàng Gia Q, sinh năm 2001; Phạm Hoàng Kim U, sinh năm 2005. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm soc nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng Kim U. Đối với 02 con chung Phạm Hoàng Kim Ng và Phạm Hoàng Gia Q đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu toà án giải quyết.

-Đối với bị đơn anh Phạm Đình B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hoà giải với anh Phạm Đình B được.

Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2020 về tình trạng hôn nhân của chị N và anh B như sau: chị N và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Ea Blang. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do vợ chồng xích mích cãi vã lẫn nhau và anh B thường bỏ nhà đi.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị N được ly hôn với anh B. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Kim U, sinh ngày 12/4/2005 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Đối với 02 con chung Phạm Hoàng Kim Ng và Phạm Hoàng Gia Q đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị N giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn anh Phạm Đình B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] ***Về quan hệ pháp luật***: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/7/1995 tại UBND xã Ea B, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] ***Về nội dung tranh chấp***: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Chị N, anh B kết hôn với nhau ngày 24/7/1995, tại UBND xã Ea B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn anh B cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] ***Về con chung:*** Xét nguyện vọng của chị Phạm Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng Kim U, sinh ngày 12/4/2005 đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi) và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với 02 con chung Phạm Hoàng Kim Ng và Phạm

Hoàng Gia Q đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu, xét yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] ***Về tài sản và công nợ chung:*** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] ***Về án phí:*** Chị Phạm Thị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

-Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phạm Đình B.

-Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Kim U, sinh ngày 12/4/2005 cho chị Phạm Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết. Đối với 02 con chung Phạm Hoàng Kim Ng và Phạm Hoàng Gia Q đã trưởng thành, chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

-Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Chị Phạm Thị N chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0009495, ngày 11/5/2020, tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Ea Blang;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hường